

## QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Tháng 02, 2024

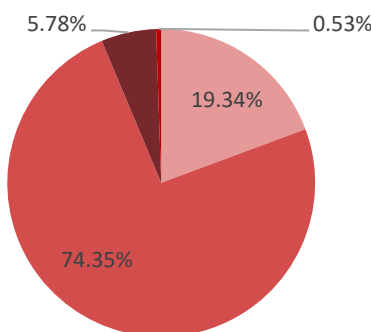
## THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 29/02/2024

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY KẾT THÚC ĐĂNG KÝ GÓP VỐN	10/01/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	2,294 Tỷ VND (~92.91 triệu USD) (tại ngày 29/02/2024)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	110,000,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, KIS, BVSC, HSC
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

## CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	20
HỆ SỐ P/E	9.39x
HỆ SỐ P/B	1.39x

## CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



- Công ty chứng khoán
- Ngân hàng TM
- Ngân hàng TM thuộc sở hữu Nhà nước
- Tiền

## MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

## CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNAIIShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho > 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

## HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn (10/01/2020)
FUESSVFL	20,862.99	7.06%	17.78%	13.76%	108.63%
VNFIN LEAD Index	2,069.12	7.18%	18.05%	13.91%	110.79%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



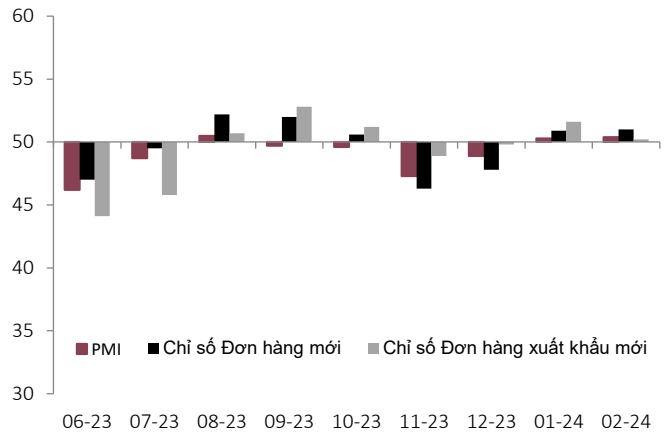
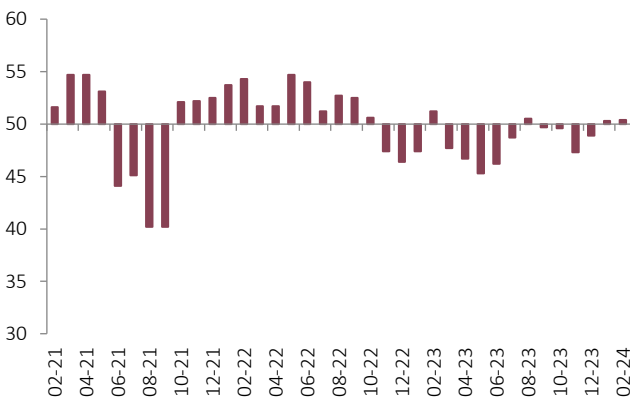
**CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 02/2024**

**Áp lực lạm phát do yếu tố mùa vụ**

Các chỉ số kinh tế tiếp tục cho thấy sự cải thiện trong sản xuất công nghiệp, dòng vốn FDI ổn định và tăng trưởng xuất khẩu mạnh mẽ trong hai tháng đầu năm nay. Lạm phát tăng đáng kể trong tháng hai chủ yếu do Tết Nguyên đán, và có thể hạ nhiệt trong những tháng tiếp theo. Tiền đồng giảm giá so với đô la Mỹ, nhưng chúng tôi vẫn duy trì niềm tin vào triển vọng của tiền đồng trong năm nay.

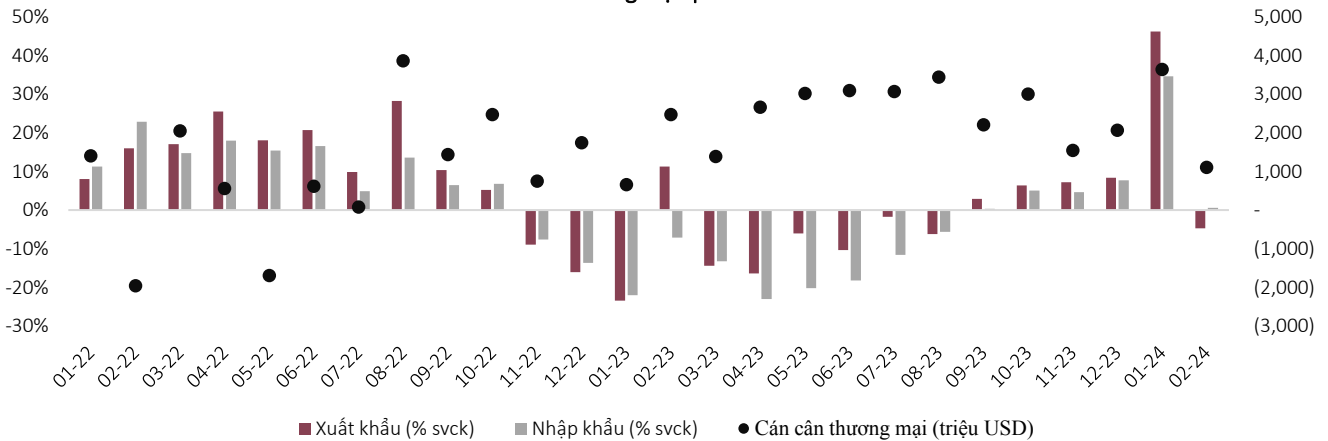
**Ngành sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi trong hai tháng đầu năm 2024.** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước trong 2 tháng đầu năm 2024. Sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chính, bao gồm dệt may, và sản phẩm điện, ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao lần lượt là 17,6% so với cùng kỳ (svck), và 22,1% trong 2 tháng đầu năm 2024. Chỉ số sản xuất PMI cũng duy trì ở mức cao hơn ngưỡng 50, và đạt mức 50,4 trong tháng Hai so với mức 50,3 trong tháng Một. Sự cải thiện của ngành sản xuất công nghiệp được hỗ trợ bởi việc có nhiều đơn đặt hàng mới hơn, từ đó giúp tăng số lượng việc làm. Niềm tin kinh doanh cũng đạt mức cao nhất trong vòng một năm qua (từ tháng 2/2023 – tháng 2/2024). Với việc tồn kho của các nhà sản xuất tiếp tục giảm, chúng tôi kỳ vọng họ sẽ tiếp tục tăng cường sản xuất trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu tăng từ khách hàng. Mặc dù, các doanh nghiệp đã bắt đầu tăng giá sản phẩm đầu ra do chi phí vận chuyển tăng, tuy nhiên mức tăng còn hạn chế nhằm kích thích nhu cầu.

**Chỉ số PMI**



Cán cân thương mại ghi nhận mức thặng dư 4,7 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm so với 3,5 tỷ USD cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu tiếp tục tăng mạnh và đạt mức 19,2% svck lên 59,3 tỷ USD trong hai tháng đầu năm nay, phần lớn nhờ doanh nghiệp trong nước (+33,3% svck). Trong khi đó, nhập khẩu tăng chậm hơn với mức tăng 18% svck và đạt 54,6 tỷ USD. Đáng lưu ý, nhập khẩu các sản phẩm điện tử, máy móc và phụ tùng tăng 24% svck, cho thấy sự hồi phục của ngành sản xuất công nghiệp trong nước.

**Thương mại quốc tế**

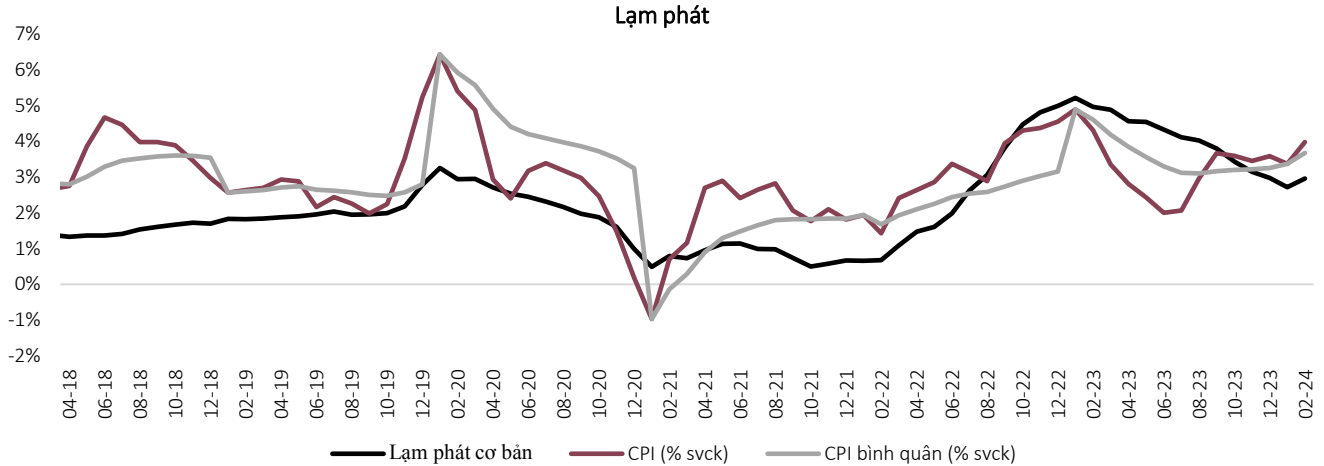


**Tiêu dùng tiếp tục duy trì đà tăng trong tháng Hai.** Doanh số bán lẻ tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước trong hai tháng đầu năm, chủ yếu do nhóm dịch vụ lưu trú và ăn uống (+14,0 svck) và du lịch (+35,8% svck). Đáng chú ý, số lượng khách du lịch quốc tế gần như đạt mức trước đại dịch trong hai tháng đầu năm nay. Tổng số lượng khách du lịch quốc tế đạt mức trung bình khoảng 1,5 triệu du khách trong tháng một và tháng hai. Du khách Trung Quốc cũng đạt 60% so với mức trước đại dịch. Với việc Chính phủ nghiên cứu mở rộng chính sách miễn thị thực, chúng tôi kỳ vọng số lượng khách du lịch quốc tế sẽ tiếp tục tăng cho đến cuối năm.

## CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 02/2024

**Lạm phát tăng cao trong tháng Hai chủ yếu do Tết âm lịch.** Lạm phát tăng 1,0% so với tháng trước, tương đương 3,98% so với cùng kỳ năm trước vào tháng Hai. Lạm phát cơ bản cũng tăng lên 2,96% svck trong tháng 2. Áp lực lạm phát cao hơn trong tháng 2 chủ yếu do nhóm vận tải và thực phẩm tăng. Chỉ số vận tải tăng 3,1% so với tháng trước do tăng dịch vụ giao thông công cộng (+15,5%) và giá xăng dầu cao hơn (+5,8%). Trong khi đó, chỉ số thực phẩm tăng 1,7% so với tháng trước do giá gạo (+2,2%) và giá thịt heo tăng (+3,9%). Vì áp lực lạm phát trong tháng 2 chủ yếu do yếu tố mùa vụ, chúng tôi kỳ vọng lạm phát sẽ hạ nhiệt trong những tháng tiếp theo, giúp Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tiền Đồng tiếp tục giảm giá so với đô la Mỹ do thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng và đồng đô la Mỹ mạnh lên. Với việc Fed khó có thể cắt giảm lãi suất nhanh như dự kiến, đồng đô la Mỹ có thể tiếp tục mạnh lên và tạo thêm áp lực lên tiền Đồng. Tuy nhiên, thặng dư thương mại và dòng vốn FDI ổn định được kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ tiền Đồng.



Định giá của thị trường vẫn tiếp tục hấp dẫn khi Chỉ số VN-Index duy trì đà tăng trong tháng hai và tăng 7,6% so với tháng trước, chủ yếu nhờ nhóm ngành Nguyên vật liệu (+14,5%), Công nghệ thông tin (+12,4%), và Tài chính (+9,0%). Môi trường lãi suất thấp, những tiến triển trong việc vận hành hệ thống KRX, và quyết tâm của Chính phủ trong việc nâng hạng thị trường tiếp tục tạo động lực cho đà tăng của chỉ số VN-Index. Tuy nhiên, khối ngoại quay trở lại bán ròng với tổng giá trị bán ròng xấp xỉ 112 triệu USD, và họ chủ yếu bán ròng MWG (31 triệu USD), VNM (28 triệu USD), và VPB (27 triệu USD). Các quỹ ETF cũng tiếp tục bị rút ròng, ước tính khoảng 40 triệu USD trong tháng Hai.

Chỉ số P/E trong 12 tháng tới của thị trường đang ở mức 13,8 lần, thấp hơn đáng kể so với trung bình 5 năm là 17 lần. Mặc dù áp lực bán có thể tăng trong thời gian tới khi một số nhà đầu tư cân nhắc chốt lời, chúng tôi duy trì quan điểm tích cực đối với đà tăng của chỉ số VN-Index dựa trên (i) sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân khi lãi suất đang rất thấp, (ii) quyết tâm của Chính phủ trong việc nâng hạng thị trường, và (iii) khả năng quay trở lại của khối ngoại trong thời gian tới.

TÍNH ĐẾN 29/02/2024	1 THÁNG	3 THÁNG	TỪ ĐẦU NĂM	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E 12 THÁNG	P/B HIỆN TẠI	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	2.6%	0.3%	-1.6%	0.1%	28.2	0.8	3.0	1.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	17.5%	9.5%	3.2%	34.1	2.5	5.9	1.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6.3%	6.4%	2.9%	8.7%	23.5	2.8	11.9	0.8
Năng lượng	5.2%	3.6%	4.2%	1.5%	16.1	1.4	9.4	1.1
Tài chính	9.0%	21.1%	17.9%	45.1%	10.8	1.7	17.2	1.1
Chăm sóc sức khỏe	3.5%	5.7%	4.0%	0.7%	14.5	1.9	15.2	0.6
Công nghiệp	3.2%	7.7%	3.0%	8.1%	19.7	1.9	7.7	1.1
Công nghệ thông tin	12.4%	17.1%	11.7%	3.1%	21.7	5.0	24.5	0.9
Nguyên vật liệu	14.5%	20.5%	15.6%	9.0%	20.7	1.8	6.8	1.4
Bất động sản	5.0%	7.0%	2.6%	14.3%	14.1	1.3	9.7	1.0
Tiện ích	2.9%	3.0%	3.4%	6.1%	15.5	2.0	13.0	0.8
<b>VN-Index</b>	<b>7.6%</b>	<b>13.6%</b>	<b>10.9%</b>	<b>100%</b>	<b>16.2</b>	<b>1.8</b>	<b>12.1</b>	<b>1.0</b>
<b>VN30</b>	<b>8.5%</b>	<b>15.8%</b>	<b>11.9%</b>		<b>12.6</b>	<b>1.7</b>	<b>14.1</b>	



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Trong tháng Hai, ngành ngân hàng ghi nhận tăng trưởng thứ 4 liên tiếp (+9,1%), đứng thứ 3 trong số các ngành, trong đó, nổi bật là TCB (+22,1%), MSB (+16,9%), CTG (+12,5%) và BID (+11,1%).

Theo đó, chỉ số VNFIN LEAD tăng 7,18% trong tháng và Quỹ FUESSVFL của chúng tôi ghi nhận mức tăng 7,06% trong tháng Hai. So với thời điểm đầu năm 2024, chỉ số VNFIN LEAD tăng trưởng 13,91% trong khi hiệu quả hoạt động của Quỹ FUESSVFL đạt 13,76% (cao hơn mức tăng của toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam với VN-Index tăng 10,9% và VN30-Index tăng 11,9%).

Kết quả tích cực của chỉ số VNFIN LEAD trong tháng 2 được đóng góp chủ yếu từ nhóm cổ phiếu ngân hàng với các nguyên nhân chính như sau:

- Tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt mức cao với 13,7% và gần một nửa trong số đó được giải ngân trong quý 4 năm 2023. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 của Chính phủ vẫn cao hơn năm 2023, đạt 15,0%
- Lợi nhuận sau thuế của toàn ngành ngân hàng ghi nhận mức tăng đáng kể trong Quý 4 năm 2023. Nhìn chung, kết quả năm 2023 cao hơn kỳ vọng của thị trường, đặc biệt với VIB, VPB, TPB và LPB. Triển vọng lợi nhuận của ngành ngân hàng năm 2024 vẫn tích cực dựa trên sự cải thiện về NIM (Biên lợi nhuận ròng) cũng như tăng trưởng tín dụng mạnh hơn và quá trình hình thành NPL (Nợ xấu) chậm hơn
- Chất lượng tài sản đã có dấu hiệu cải thiện trong Quý 4 năm 2023 và xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục trong suốt năm 2024 khi mà khối ngân hàng tư nhân đã xây dựng được bộ đệm dự phòng dồi dào

Chúng tôi tin rằng nhóm ngành ngân hàng và dịch vụ tài chính sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong năm 2024 khi giá cổ phiếu tiếp tục phục hồi từ mức quá bán vào cuối năm 2022 khi lo ngại về rủi ro hệ thống giảm bớt. Mặc dù những thách thức về chất lượng tài sản vẫn còn sau đại dịch COVID-19 và những đợt suy thoái gần đây hơn trong lĩnh vực xuất khẩu và bất động sản nhà ở, chúng tôi tin rằng các ngân hàng sẽ có thể giải quyết các vấn đề nợ xấu mà lợi nhuận không bị sụt giảm gây mất ổn định. Quan điểm này được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất duy trì ở mức thấp cũng như các chính sách về tài khóa và tiền tệ nới lỏng từ phía cơ quan điều hành. Trong khi đó, định giá của khối các ngân hàng tư nhân tiếp tục hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng thu nhập và ROE.

Diễn biến tháng Hai củng cố thêm nhận định của chúng tôi về tiềm năng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam cũng như thị trường chứng khoán nước này. Ngành tài chính với sự góp mặt của các cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán (và cả Bảo hiểm theo từng thời điểm) sẽ tiếp tục là ngành dẫn dắt nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán, và lịch sử tăng trưởng trung bình gộp 18-20% của FUESSVFL sẽ là lựa chọn sáng suốt của các nhà đầu tư có kinh nghiệm cũng như hiểu biết về sản phẩm ETF, thị trường chứng khoán và cách thức vận hành của nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù tăng trưởng tốt trong tháng cuối năm, vẫn còn rất nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư để gia tăng giải ngân nắm giữ để hưởng lợi từ xu hướng phục hồi và tăng trưởng bền vững trong tương lai.



DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROA (%)	ROE (%)	YTD 2024 (%)	P/E	P/B	CTR MTD
1	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	14.78	59,478,556	6%	1.22	18.30	12.88%	7.80	1.32	1.75
2	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.19	157,885,080	2%	1.39	8.68	3.65%	13.48	1.16	0.54
3	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	11.93	55,468,131	55%	3.78	10.11	12.80%	24.37	2.42	1.41
4	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10.76	148,649,956	0%	2.33	14.84	32.70%	8.21	1.14	3.02
5	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	8.18	108,753,410	0%	2.42	24.80	17.15%	6.74	1.52	1.37
6	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	6.87	125,920,130	0%	2.47	24.51	29.49%	6.12	1.36	1.99
7	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	5.27	27,584,167	78%	5.02	13.05	1.80%	14.14	1.73	0.10
8	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.86	43,216,466	25%	1.26	16.10	9.26%	5.76	0.86	0.51
9	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	3.97	31,509,677	27%	1.12	10.09	-1.36%	14.79	1.43	(0.05)
10	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.41	543,818,580	6%	1.81	21.73	21.17%	16.24	3.19	0.70
11	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	3.37	67,396,429	0%	1.98	24.74	14.78%	6.65	1.51	0.32
12	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.26	43,735,241	3%	1.57	19.16	8.57%	7.30	1.29	0.34
13	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.04	190,903,207	3%	1.04	17.08	31.18%	9.84	1.55	0.61
14	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.87	43,702,455	1%	1.30	13.74	14.08%	9.72	1.32	0.26
15	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.57	19,950,000	77%	3.12	7.09	6.67%	41.86	2.80	0.11
16	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.57	31,800,000	0%	1.94	16.03	22.31%	6.76	1.00	0.31
17	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.48	55,556,085	0%	2.28	23.95	14.95%	6.61	1.47	0.25
18	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.95	21,085,420	4%	4.04	8.32	17.64%	27.91	2.26	0.11
19	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.34	302,123,103	13%	0.97	19.83	22.12%	14.15	2.59	0.07
20	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.30	31,130,588	0%	1.93	15.28	13.91%	7.47	1.06	0.04

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

## GIẢI THƯỞNG

TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST  
ASIA

- “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023
- “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021

## TẠP CHÍ THE ASSET

- “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021

## TẠP CHÍ ASIANINVESTOR

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022

TẠP CHÍ ASIA ASSET  
MANAGEMENT

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

## CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

**ÔNG. HỒ MINH TRÍ**  
Giám đốc phát triển kinh doanh

T: (+84) 28 3824 2897 ext 1628  
M: (+84) 90 888 9669  
E: trihm@ssi.com.vn

**ÔNG. NGUYỄN TRỌNG HÙNG**  
Giám đốc đầu tư

T: (+84) 24 3936 6321 ext 1606  
E: minhnhk@ssi.com.vn

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

**ÔNG. NGUYỄN ANH ĐỨC**  
Giám đốc khối Phát triển  
khách hàng tổ chức

M: (+84) 979 585658  
E: ducna1@ssi.com.vn